

Số: 13 /KL-STNMT

Trà Vinh, ngày 27 tháng 4 năm 2020

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành pháp luật về tài nguyên môi trường; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Càng Long

Thực hiện Quyết định số 1851/QĐ-STNMT ngày 17/10/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên môi trường; Việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Càng Long. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Càng Long.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 06/BC-ĐTTr ngày 30/3/2020 của Trưởng đoàn thanh tra, xét ý kiến giải trình của của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Càng Long. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

I. Khái quát chung

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Càng Long (gọi tắt là Phòng TNMT) là cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, tham mưu UBND huyện trong công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện. Đồng thời, chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Về cơ cấu, tổ chức: Tổng số biên chế công chức được giao 08 biên chế. Tổng số công chức hiện có 07 người, gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 05 công chức.

Về trình độ chuyên môn: Đại học 07; trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 01, Trung cấp 04, sơ cấp 02, cơ cấu ngạch công chức: chuyên viên chính 01, chuyên viên 06.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh:

1. Về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

Kiểm tra việc lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất các năm: 2016, 2017, 2018, 2019 của huyện Càng Long; tổ chức thực hiện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

Nhìn chung về trình tự, thủ tục Phòng TNMT tham mưu UBND huyện trong việc lập hồ sơ phê duyệt dự án và chỉ định đơn vị lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đúng theo quy định. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, Phòng TNMT đã tham mưu UBND huyện công khai kế hoạch sử dụng đất.

Tuy nhiên chưa tham mưu UBND huyện tổ chức công bố theo quy định tại Điều c, Khoản 2, Điều 48 Luật Đất đai năm 2013.

2. Về thẩm định hồ sơ giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất.

2.1. Đối với hồ sơ giao đất:

Kết quả kiểm tra 03 hồ sơ giao đất (bà Phạm Thị Tuyết (giao đất năm 2018), diện tích 251,9 m², đất tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Càng Long; ông Phạm Văn Tâm (giao đất năm 2018), diện tích 64,2 m², đất tọa lạc tại ấp Lưu Tư, xã Huyền Hội; ông Trần Hữu Phước (giao đất năm 2019), diện tích 85 m², đất tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Càng Long. Trong đó, 02 hồ sơ thực hiện đúng quy định.

Đối với hồ sơ giao đất cho ông Phạm Văn Tâm, tuy việc giao đất chưa có văn bản xin chủ trương của UBND tỉnh, nhưng trước đây ông Tâm cất nhà ở trên phần đất do UBND xã Huyền Hội quản lý, khi xây dựng trạm nước, có vận động ông Tâm di dời nhưng do gia đình ông Tâm không có phần đất nào khác để cất nhà ở nên UBND xã xét thấy gia đình ông Tâm thật sự khó khăn về nhà ở nên có báo cáo thông qua Ban Thường vụ Huyện ủy và thống nhất giao đất có thu tiền sử dụng đất cho ông Tâm ở vị trí khác, UBND huyện cũng có văn bản xin ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh về giá đất thu tiền sử dụng đất, hiện đã cấp giấy chứng nhận cho ông Tâm (hình thức ghi nợ tiền sử dụng đất).

Qua kiểm tra, về trình tự thủ tục: thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và Thông tư số 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Theo hồ sơ kế hoạch sử dụng đất (năm 2018 và năm 2019) được UBND tỉnh phê duyệt thì tại vị trí giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân phù hợp với kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013.

2.2. Đối với hồ sơ thu hồi đất:

Kiểm tra 02 công trình thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án như sau:

- Dự án Nạo vét kênh Mây Phốp - Ngã Hậu tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh (đoạn thuộc địa bàn huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh: Thu hồi đất của 62 hộ gia đình, cá nhân, tổng diện tích thu hồi là 83.411,5 m², tọa lạc tại ấp 5, xã Mỹ Cẩm; ấp 9, 9C, xã An Trường A và ấp Ngã Hậu, xã Tân Bình, huyện Càng Long.

- Dự án Hạ tầng thiết yếu phục vụ vùng cây ăn trái tập trung 02 huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh: Thu hồi đất của 03 tổ chức, 142 hộ gia đình, cá nhân, tổng diện tích đất thu hồi là 191.809,6 m² đất, tọa lạc tại ấp Phú Phong 1, Phú Phong 2, Phú Hưng 2, xã Bình Phú, ấp Hưng Nhượng B, Sóc Vinh, xã Phương Thạnh, ấp Cây Dương, Rạch Cát, Tân Phúc, xã Đại Phúc, huyện Càng Long.

Qua kiểm tra, về trình tự thủ tục thực hiện đúng quy định tại Điều 69, Luật Đất đai năm 2013, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và Thông tư số 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2.3. Hồ sơ cho thuê đất:

Theo báo cáo của Phòng TNMT thì từ năm 2016 đến năm 2019, Phòng không có tham mưu UBND huyện thực hiện hồ sơ cho thuê đất.

3. Về thẩm định hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất.

- Trình tự thủ tục:

+ Kiểm tra 42 hồ sơ, có 31 hồ sơ trong hạn; có 11 hồ sơ quá hạn.

+ Có 18/42 hồ sơ không có phiếu tiếp nhận hồ sơ.

- Đối chiếu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

+ Kiểm tra 18 thửa đất/42 hồ sơ kiểm tra với bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

+ Kiểm tra diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất với Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

* **Năm 2016:** diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 25.228,7m²; diện tích phê duyệt: 389,94 ha (Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh).

* **Năm 2017:** diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 33.445,4m²; diện tích phê duyệt: 442,13 ha (Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh).

* **Năm 2018:** diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 16.360,5m²; diện tích phê duyệt: 384,40 ha (Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh).

* **Năm 2019:** diện tích đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 6.575,3m² (tính đến thời điểm ngày 24/10/2019); diện tích phê duyệt: 350,67 ha (Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh).

* Căn cứ quy định để kiểm tra: Thông tư Số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Nhìn chung về trình tự, thủ tục: Cơ bản Phòng TNMT tham mưu UBND huyện thực hiện đúng quy định tại Thông tư Số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

- Thực hiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; diện tích đất cho phép chuyển mục sử dụng đất hàng năm trong hạn mức được UBND tỉnh phê duyệt.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn có những hạn chế như: Hồ sơ thực hiện quá hạn (15 ngày) còn nhiều (chiếm 30% trên tổng số 42 hồ sơ); Lưu trữ hồ sơ không phiếu tiếp nhận hồ sơ còn nhiều (chiếm 45% trên tổng số 42 hồ sơ).

4. Tình hình thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Kiểm tra 40 hồ sơ/303 hồ sơ. Trong đó: Trước hạn là 20 hồ sơ (Có 06 hồ sơ từ 20 đến 25 ngày), đúng hạn là 08 hồ sơ, trễ hạn là 12 hồ sơ (từ 01 đến 24 ngày).

- Thành phần hồ sơ gồm: Thủ tục theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.

- Trình tự thực hiện: Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh. Thời gian thực hiện không quá 20 ngày; Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 24/07/2017 của UBND tỉnh. Thời gian thực hiện không quá 20 ngày; Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh. Thời gian thực hiện không quá 25 ngày.

- Cơ sở pháp lý thực hiện cấp giấy chứng nhận QSD đất: theo Điều 100 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai:

Qua kiểm tra cho thấy, cơ bản các hồ sơ Phòng TNMT tham mưu UBND huyện, về trình tự, thủ tục thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; không yêu cầu người dân nộp các loại giấy tờ ngoài quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013;

- Thời gian hoàn trả hồ sơ phần lớn trước thời hạn quy định (20/40 hồ sơ), đúng hạn 08/40 hồ sơ.

Bên cạnh những hồ sơ thực hiện đúng quy định, qua kiểm tra vẫn còn một số hồ sơ thực hiện chưa chặt chẽ, cụ thể:

- 01/40 hồ sơ nhận không đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 dự đơn đăng ký biến động (mẫu 09/ĐK).

- 12/40 hồ sơ trễ hạn so với thời gian quy định, có 02 hồ sơ trễ hạn trên 20 ngày.

- Xác nhận tại mục III đơn đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất không ghi đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định tại Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Khoản 1, Điều 8, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (19/40 hồ sơ).

- Xác nhận tại mục III đơn đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất căn cứ Điều 18, Nghị định 43/2014/NĐ-CP là chưa đúng quy định tại Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (01/40 hồ sơ).

- Tờ trình căn cứ Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP là chưa đúng quy định tại Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (01/40 hồ sơ).

- Thiếu danh sách niêm yết (01/40 hồ sơ).

- Hồ sơ nhận không đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 nhận thêm tờ cam kết chưa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chủ sử dụng (01/40 hồ sơ).

- Một hồ sơ giấy chứng nhận ký trước phiếu hẹn nhận hồ sơ 04 ngày.

5. Công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

Qua kiểm tra ngẫu nhiên 14 hồ sơ đối với các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp từ năm 2016 đến 2019 cho thấy Phòng TNMT có thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp hàng năm và lưu các chứng từ nộp phí của cơ sở đầy đủ.

Về cơ bản, Phòng TNMT đã tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Tuy nhiên về hình thức và hướng dẫn thu phí, Phòng TNMT chỉ dựa trên lượng nước thải theo kế hoạch BVMT, đề án BVMT đơn giản mà chưa có văn bản yêu cầu cơ sở lập tờ khai nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp để làm cơ sở thẩm định tờ khai và ra thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp phải nộp theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí BVMT đối với nước thải.

6. Công tác kiểm tra bảo vệ môi trường đối với các cơ sở được cấp cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường đơn giản thuộc thẩm quyền quản lý cấp huyện.

Hàng năm Phòng TNMT có xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật trong lĩnh vực BVMT trình UBND huyện phê duyệt; có triển khai thực hiện hậu kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với cơ sở thuộc đối tượng cấp phép môi trường cấp huyện.

Nhìn chung, Phòng Tài nguyên và Môi trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở đã cấp phép môi trường.

7. Cấp xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn huyện.

- Kiểm tra ngẫu nhiên 20 hồ sơ/196 hồ sơ với nhiều loại hình ngành nghề khác nhau cho thấy Phòng TNMT đã cơ bản thẩm định kế hoạch BVMT, đề án BVMT đơn giản theo đúng quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP về loại hình, quy mô công suất, trình tự thủ tục,... Tuy nhiên, còn có trường hợp hồ sơ thực hiện chưa chặt chẽ. Cụ thể như sau:

Hồ sơ kế hoạch bảo vệ môi trường của Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Việt Thái Phong: Theo Nghị định 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Phụ lục II, số thứ tự 45 thì đối với loại hình Dự án xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có quy mô công suất từ 10 tấn/ngày trở lên đối với chất thải rắn thông thường thì phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Tuy nhiên, Công ty sản xuất củi trấu quy mô công suất là 30 tấn/ngày nhưng lập kế hoạch bảo vệ môi trường là chưa đúng thẩm quyền phân cấp (sai thẩm quyền).

- Năm 2016, chưa vận hành quy trình ISO đối với thủ tục xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án BVMT đơn giản.

Qua kết quả kiểm tra cho thấy Phòng TNMT cơ bản đã tham mưu cho UBND huyện thẩm định, đăng ký kế hoạch BVMT, đề án BVMT đơn giản theo đúng quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; đã triển khai thực hiện công tác thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp đối với các cơ sở thuộc đối tượng phải nộp phí BVMT đối với nước thải. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế, cụ thể: chưa vận hành quy trình ISO đối với thủ tục xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án BVMT đơn giản trong năm 2016; tham mưu UBND huyện xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường chưa đúng thẩm quyền theo phân cấp tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP.

8. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiểm tra về tài nguyên và môi trường:

8.1 Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư:

- Công tác tiếp công dân: Tiếp công dân 47 lượt, trong đó: năm 2016: 22 lượt, năm 2017: 19 lượt; năm 2018: 06 lượt; năm 2019: không có.

Việc tiếp công dân được lập sổ theo mẫu quy định tại Thông tư 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.

- Về xử lý đơn thư:

* Hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của UBND huyện, giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu: 06 hồ sơ. Trong đó:

+ 01 hồ sơ đã được UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần 2 (hồ sơ được lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường nên Đoàn không kiểm tra).

+ 05 hồ sơ tham mưu Chủ tịch UBND huyện giải quyết khiếu nại lần 2 đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND cấp xã không đúng thẩm quyền (hồ sơ bà Phạm Ngọc Xoàn; Hồ sơ bà Lê Thảo Hương; Hồ sơ bà Nguyễn Thị Rỡ; Hồ sơ ông Nguyễn Văn Minh, các hộ cùng ngụ ấp Tân An Chợ, xã Tân An, nội dung các hộ yêu cầu: giao đất có thu tiền sử dụng đất; Hồ sơ ông Võ Văn Minh, ngụ ấp Phú Phong 3, xã Bình Phú nội dung đơn: Yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 249,5m², tọa lạc ấp Phú Phong 3, xã Bình Phú.

* Các đơn khiếu nại do văn phòng UBND huyện giao tham mưu: 14 đơn. Kết quả kiểm tra cho thấy: có 01 đơn đã được UBND tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 nhưng Phòng tham mưu UBND huyện ban hành công văn trả lời đơn là không đúng quy định tại Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 (trường hợp này phải tham mưu UBND huyện ban hành thông báo không thụ lý giải quyết theo quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ).

Nhìn chung, về công tác tiếp công dân, có lập sổ tiếp công dân theo quy định, các đơn thư được Phòng TNMT tham mưu và có báo cáo UBND huyện xử lý. Tuy nhiên, quá trình thực hiện còn một số hạn chế như sau:

- Ghi chép sổ tiếp công dân chưa đầy đủ, không phân loại đơn, số lượng công dân đến.

- Không phân công công chức tiếp công dân thường xuyên tại đơn vị.

- Thời hạn xử lý đơn thư: 04/20 hồ sơ trễ hạn so với thời gian UBND huyện giao thực hiện.

- Đối với 05 hồ sơ, phòng tham mưu Chủ tịch UBND huyện giải quyết khiếu nại lần 2 là không đúng thẩm quyền theo quy tại Điều 59, Điều 66, Điều 105, Điều 203 và Khoản 8, Khoản 9 Điều 2 Luật Khiếu nại năm 2011.

9. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

- Hàng năm Phòng TNMT có xây dựng kế hoạch kiểm tra và tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định kiểm tra trong lĩnh vực khoáng sản (chủ yếu là hoạt động khai thác cát sông trên tuyến sông Cổ Chiên và khai thác đất mặt ruộng); phối hợp Công an huyện Càng Long và UBND cấp xã tiến hành kiểm tra trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Kết quả đã tổ chức kiểm tra 113 cuộc, phát hiện 160 trường hợp vi phạm, cụ thể:

+ Phòng TNMT trực tiếp tham mưu 88 trường hợp trong lĩnh vực khoáng sản (khai thác cát sông, đất mặt ruộng), tổng số tiền xử phạt là 790.500.000 đồng;

+ Chuyên Công an huyện tham mưu xử phạt 06 trường hợp trong lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản, tổng số tiền xử phạt là 60.000.000 đồng;

+ Chuyên UBND cấp xã xử phạt 66 trường hợp vi phạm, tổng số tiền là 190.000.000 đồng.

- Đồng thời, đã nhắc nhở các tổ chức/cá nhân vi phạm thực hiện cam kết không tái phạm. Ngoài ra, Phòng TNMT còn phối hợp với đơn vị ngoài tỉnh (các tỉnh: Bến Tre, Vĩnh Long) kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản (cát sông) trên tuyến sông Cổ Chiên.

* Trình tự, thủ tục xử lý hồ sơ vi phạm hành chính:

- Qua kiểm tra trình tự thủ tục xử lý vi phạm hành chính, còn một số trường hợp Phòng TNMT tham mưu xử lý chưa phù hợp, cụ thể:

+ Năm 2016: kiểm tra 04/21 hồ sơ nhận thấy: 04/04 hồ sơ được kiểm tra không thể hiện biên bản kiểm tra/biên bản làm việc chỉ có tờ tường trình của cá nhân vi phạm; 04/04 hồ sơ nội dung trong biên bản vi phạm hành chính chưa đúng theo quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ (mẫu MBB01); 04/04 hồ sơ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề chưa thể hiện đầy đủ nội dung ((chưa thể hiện được kết cấu phương tiện, thiết bị có trên phương tiện để đảm bảo việc tạm giữ) theo mẫu MQĐ14 quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ; 01/04 hồ sơ nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính phần nội dung hiệu lực của quyết định xử phạt thể hiện chưa đúng và một số nội dung trong quyết định còn bỏ trống).

+ Năm 2017: kiểm tra 05/49 hồ sơ nhận thấy: có 02/05 hồ sơ biên bản kiểm tra/biên bản làm việc chưa thể hiện trong hồ sơ, chỉ có Tờ tường trình của đối tượng vi phạm; 05/05 hồ sơ phần biên bản vi phạm hành chính chưa đúng theo quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ (mẫu MBB01); 02/05 hồ sơ biên bản tạm giữ chưa thể hiện đầy đủ nội dung (chưa thể hiện được kết cấu phương tiện, thiết bị có trên phương tiện để đảm bảo việc tạm giữ) theo quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ (mẫu MBB05); 05/05 hồ sơ nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính còn một số nội dung bỏ trống; 03/05 hồ sơ không có biên bản trả lại tang vật, phương tiện vi phạm.

+ Năm 2018: kiểm tra 04/13 hồ sơ nhận thấy: 04/04 hồ sơ biên bản kiểm tra chưa thể hiện được vị trí phương tiện khai thác; 04/04 hồ sơ phần biên bản vi phạm hành chính thể hiện nội dung trích yếu của biên bản chưa đúng quy định và chưa thể hiện được vị trí phương tiện vi phạm; 03/04 hồ sơ phần Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện chưa thể hiện đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ (mẫu MQĐ19): lý do tạm giữ, nội dung tạm giữ; 04/04 hồ sơ phần biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm có một số nội dung còn để trống, nội dung biên bản chưa thể hiện được kết cấu phương tiện, các thiết bị có trên phương tiện để đảm bảo việc tạm giữ;

04/04 hồ sơ phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: phần căn cứ biên bản vi phạm hành chính chưa thể hiện được cơ quan lập.

+ Năm 2019: kiểm tra 03/06 hồ sơ nhận thấy: 03/03 hồ sơ phần trích yếu biên bản vi phạm hành chính thể hiện chưa đúng quy định; 02/03 hồ sơ Quyết định tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề chưa thể hiện trong hồ sơ; 03/03 hồ sơ phần biên bản tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề một số nội dung còn bỏ trống; 03/03 hồ sơ trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phần căn cứ biên bản vi phạm hành chính chưa thể hiện cơ quan lập; 01/03 hồ sơ không có biên bản trả lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ.

- Công tác quản lý hồ sơ kiểm tra, xử lý vi phạm: Qua kiểm tra thực tế, còn một số văn bản trong hồ sơ lưu không thể hiện (Quyết định giao quyền; Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện; Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện).

Về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực khoáng sản, bảo vệ môi trường cơ bản thực hiện tốt, hàng năm Phòng TNMT có tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra và trình UBND huyện ban hành quyết định kiểm tra trong năm. Qua kiểm tra đã xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, các vụ việc Phòng tham mưu UBND huyện xử phạt đều được các đối tượng vi phạm chấp hành nộp phạt, không có hồ sơ đối tượng không chấp hành. Bên cạnh đó, đã nhắc nhở các tổ chức, cá nhân và người dân nâng cao nhận thức về pháp luật khoáng sản và bảo vệ môi trường. Nhằm giúp công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường cơ bản thực hiện tốt hơn.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện còn những thiếu sót, hạn chế như sau:

- Về trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính, Phòng TNMT cơ bản thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định. Tuy nhiên, việc áp dụng các biểu mẫu chưa đúng quy định, còn một số nội dung trong văn bản thể hiện chưa đầy đủ theo mẫu.

- Công tác quản lý hồ sơ kiểm tra, xử lý vi phạm: một số hồ sơ thể hiện chưa chặt chẽ, đầy đủ, các hồ sơ xử phạt chưa được đánh số bút lục thành phần có trong hồ sơ.

10. Công tác hướng dẫn, kiểm tra về tài nguyên và môi trường đối với đối với công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã

- Phòng TNMT có hỗ trợ, hướng dẫn cho công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã về công tác hòa giải khiếu nại, tranh chấp đất đai, xử phạt vi phạm hành chính, công tác khảo sát phục vụ hòa giải (khi có đơn thư khiếu nại của người dân)

- Về công tác tuyên truyền pháp luật được Phòng TNMT Phối hợp Hội đồng tuyên truyền pháp luật huyện tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường:

+ Năm 2016 tuyên truyền các xã, thị trấn: An Trường A, Tân Bình, Nhị Long, thị trấn Càng Long, Tân An, Đại Phước, Nhị Long Phú.

+ Năm 2017 tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, khoáng sản ở các xã, thị trấn và một số ấp, khóm, kết quả được 341 cuộc có khoảng 41.575 lượt người dự

+ Năm 2018: tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai và Chỉ thị 15 của Tỉnh ủy tại 14 xã, thị trấn, kết quả được 69 cuộc có khoảng 34.707 lượt người dự.

+ Bên cạnh đó, còn tuyên truyền thông qua hình thức: Treo băng rôn, panô: 23 tấm, phát 60 sổ tay tuyên truyền biển và hải đảo, cấp cho Hội Cựu Chiến binh huyện và UBND các xã, thị trấn 3.000 tờ bướm tuyên truyền Chỉ thị số 15 và 150 quyển Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Nhìn chung, Phòng Tài nguyên và Môi trường có hỗ trợ, hướng dẫn cho UBND cấp xã khi có đơn thư của công dân gửi đến UBND cấp xã; Phối hợp với Hội đồng tuyên truyền pháp luật của huyện tổ chức tuyên truyền quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường. Tuy nhiên, chưa tổ chức kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đối với công chức địa chính và môi trường thuộc UBND cấp xã theo quy định tại Khoản 19, Điều 5, Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Nội vụ.

III. KẾT LUẬN

Qua kết quả kiểm tra, cơ bản Phòng TNMT tham mưu UBND huyện thực hiện đúng quy định đối với các nhiệm vụ được giao, về nội dung giao đất, thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân được Phòng tham mưu UBND huyện thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, cũng còn những thiếu sót qua kết quả thanh tra. Vì vậy, Giám đốc Sở đề nghị Phòng TNMT thực hiện tốt các nội dung còn thiếu sót, hạn chế nêu trên như sau:

1. Về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt:

Trong thời gian tới, sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, đề nghị Phòng TNMT tham mưu UBND huyện công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 48 Luật Đất đai năm 2013.

2. Về giao đất cho hộ gia đình, cá nhân:

- Thực hiện việc giao đất không có chủ trương của cấp có thẩm quyền, đề nghị Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường rà soát, báo cáo UBND huyện và khắc phục trong việc tham mưu thực hiện.

- Đối với hồ sơ xin giao đất có thu tiền không thông qua đấu giá quyền sử dụng đối với ông Trần Hữu Phước, đất tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long do hoàn cảnh gia đình khó khăn đề nghị Phòng TNMT kết hợp với UBND thị trấn Càng Long có biên bản xác minh nếu thật sự khó khăn, báo cáo UBND huyện tạo điều kiện trả chậm tiền vào NSNN.

3. Về thực hiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất:

- Rút kinh nghiệm trong việc thực hiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng quá hạn.
- Phối hợp với Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

4. Về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (cấp lần đầu):

- Phải thực hiện đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; Khắc phục tình trạng hồ sơ trễ hẹn nhiều ngày (trên 20 ngày);

- Xác nhận tại mục III đơn đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, tờ trình phải ghi đúng và đầy đủ căn cứ pháp lý.

5. Công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp:

Đề nghị có văn bản yêu cầu các cơ sở lập tờ khai nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp để làm cơ sở thẩm định tờ khai và ra thông báo nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp phải nộp theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP.

6. Về công tác thẩm định, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cũng như việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường:

Khắc phục trong việc tham mưu xác nhận đề án bảo vệ môi trường sai thẩm quyền; Về công tác thẩm định, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường: cần bám sát Phụ lục IIa, Phụ lục II của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ để thực hiện.

Về công tác kiểm tra môi trường các cơ sở được cấp thủ tục môi trường: cần thực hiện công tác hậu kiểm môi trường đầy đủ và kiểm tra định kỳ đối với các cơ sở thuộc đối tượng quản lý.

7. Việc tham mưu giải quyết đơn thư khiếu nại:

- Đề nghị rút kinh nghiệm trong việc tham mưu UBND huyện giải quyết tranh chấp, khiếu nại đất đai, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định Luật đất đai năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011; Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đúng theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

- Phân công công chức tiếp công dân thường xuyên tại cơ quan theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp Công dân năm 2013; Ghi chép Sổ tiếp công dân đầy đủ theo Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân; nhận và xử lý đơn thư đúng quy định.

8. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

- Đề nghị thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; Về nội dung, mẫu văn bản áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính, đề nghị thực hiện đúng theo mẫu được quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

- Tạo điều kiện cho công chức chuyên môn tham gia lớp tập huấn về lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường để nâng cao trình độ chuyên môn và thực hiện đúng quy định.

- Trong công tác quản lý hồ sơ: Đề nghị Trưởng Phòng TNMT chỉ đạo việc sắp xếp, lưu trữ hồ sơ cho chặt chẽ.

9. Về công tác hướng dẫn, kiểm tra đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc UBND cấp xã.

Đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đối với công chức địa chính và môi trường thuộc UBND cấp xã theo quy định tại Khoản 19, Điều 5, Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Nội vụ.

Trên đây là kết luận thanh tra của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Càng Long nghiêm túc thực hiện./. *gr*

Nơi nhận:

- Các PGĐ Sở (để biết);
- Phòng TNMT huyện Càng Long (t/hiện);
- Các phòng, cq, đv thuộc Sở;
- UBND huyện Càng Long;
- Lưu: VT, ĐTTra.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hùng